

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5- 2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đáng
Ông Dương Tuấn Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phụng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A đường T, phường P, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm 1992. Địa chỉ: 3 K, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: số H, đoạn B, đường M, quận M, thành phố Đ, Đà Loan (Trung Quốc). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì anh H sang Đà Loan (Trung Quốc) làm việc theo diện xuất khẩu lao động để làm việc còn chị K ở lại Việt Nam đến khi sinh con xong. Sau đó, chị K cũng sang Đà Loan để đoàn tụ với anh H, xây dựng hạnh phúc

gia đình và làm việc. Đến đầu năm 2022, thì giữa vợ chồng bắt đầu xuất hiện những mâu thuẫn chung không thể giải quyết được. Chị K và anh H đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn đó. Tháng 10/2022, chị K trở về Việt Nam sinh sống, còn anh H vẫn ở lại Đài Loan để làm việc. Hiện nay, vì khoảng cách địa lý quá xa, thời gian dài không chung sống cùng nhau nên giữa chị K và anh H không còn tình cảm vợ chồng, không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài, anh H cũng không thể về Việt Nam để đoàn tụ, giải quyết những mâu thuẫn chung và xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị K làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016. Chị Lê Thị K có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị K là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại thời điểm khởi kiện, chị Lê Thị K có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng do đã thỏa thuận được với anh Nguyễn Văn H nên đến ngày 24/01/2024 chị Lê Thị K đã có đơn xin tự nguyện rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng là Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho anh Nguyễn Văn H. Ngày 27/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, đơn yêu cầu không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; đơn xin xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Văn H. Trong văn bản trình bày ý kiến, anh Nguyễn Văn H đồng ý ly hôn với chị Lê Thị K.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H khai giữa anh H và chị Lê Thị K có 01 con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016. Anh H đồng ý để chị Lê Thị K là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo được quyền lợi, nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị K, cho chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Lê Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 cho đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị K không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị K và anh H đều thừa nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H có địa chỉ nơi cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các bản bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án, Công văn về việc yêu cầu đương sự cung cấp lời khai, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong vụ án này, cả nguyên đơn chị Lê Thị K và bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không thể hoà giải được quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê Thị K có mặt tại phiên toà và bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy nguyên đơn chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì anh H sang Đài Loan (Trung Quốc) làm việc theo diện xuất khẩu lao động để làm việc còn chị K ở lại Việt Nam đến khi sinh con xong. Sau đó, chị K cũng sang Đài Loan để đoàn tụ với anh H, xây dựng hạnh phúc gia đình và làm việc. Đến đầu năm 2022, thì giữa vợ chồng bắt đầu xuất hiện những mâu thuẫn chung không thể giải quyết được. Chị K và anh H đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn đó. Tháng 10/2022, chị K trở về Việt Nam sinh sống, còn anh H vẫn ở lại Đài Loan để làm việc. Hiện nay, vì khoảng cách địa lý quá xa, thời gian dài không chung sống cùng nhau nên giữa chị K và anh H không còn tình cảm vợ chồng, không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài, anh H cũng không thể về Việt Nam để đoàn tụ, giải quyết những mâu thuẫn chung và xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể giải quyết những mâu thuẫn chung cũng như hàn gắn đoàn tụ nên chị Lê Thị K đã gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án và anh Nguyễn Văn H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nên chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K với anh H, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H chị Lê Thị K có 01 con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016. Chị Lê Thị K có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị K là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 cho đến tuổi trưởng thành và anh H cũng đồng ý để chị K là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành nên cần chấp nhận yêu cầu về con chung của chị K, giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Lê Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, phù hợp với quy định tại điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn H xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Lê Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, phù hợp với quy định tại điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn H xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0000112 ngày 22 tháng 01 năm 2024; chị Lê Thị K đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H đang ở nước ngoài (Đài Loan) có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Cục THADS tỉnh TT- Huế;
- UBND phường T;
- Các Đương sự;
- Lưu: HCTP, Toà Dân sự, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú